

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHŨ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hạnh.

Ông Nguyễn Xuân Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bé Lệ G, sinh năm 2001 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1994 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Nơi đăng ký NKTT: TDP Nghĩa, phường C, thị xã C, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện tại: TDP C, phường P, thị xã C, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-12-2024 và bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bé Lệ G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Q kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc, năm 2021 chị và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường C, thị xã C). Từ cuối năm 2022 chị và anh Q nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm, không bảo ban được

nhau, thường xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Văn Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bé Lệ G kết hôn với nhau vào năm 2021, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chị G anh Q có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường C, thị xã C). Sau khi cưới chị G và anh Q có về chung sống cùng nhau tại gia đình anh Q. Chị G xác định vợ chồng từ cuối năm 2022 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm là tháng 6 năm 2024. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống không có hạnh phúc. Chị G và anh Q cũng ly thân từ đầu năm 2024 đến nay không còn ai quan tâm tới ai, không hề liên lạc với nhau. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Nay chị G thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng chị G đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Q. Anh Q cho rằng từ sau khi cưới chị G đi học tại thành phố L còn anh đi làm tại Q, tỉnh Bắc Ninh, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau một tháng gặp nhau khoảng 1 đến 2 lần. Sau khi cưới anh Q xác định vợ chồng có xảy ra cãi vã nhưng đều là mâu thuẫn nhỏ nhất không đến mức phải ly hôn, gần 1 năm trở về gần đây chị G không còn quan tâm gì đến anh nữa, anh gọi cũng không nghe máy, nhắn tin không trả lời. Nay chị G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q, anh Trần Văn Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Bé Lệ G xin ly hôn với anh thì anh không nhất trí ly hôn với chị G. Tuy nhiên, nếu chị G nhất quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh và chị Bé Lệ G không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị Bé Lệ G không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Bé Lệ G và bị đơn anh Trần Văn Q vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và tóm tắt nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé Lệ G, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé Lệ G, cho chị Bé Lệ G được ly hôn với anh Trần Văn Q.
2. Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về án phí: Chị Bé Lệ G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bé Lệ G có đơn xin ly hôn với anh Trần Văn Q. Bị đơn anh Trần Văn Q đang cư trú tại T, phường C, thị xã C, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bé Lệ G, bị đơn anh Trần Văn Q đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt chị Bé Lệ G và anh Trần Văn Q.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Lệ G kết hôn với anh Trần Văn Q trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường C, thị xã C). Như vậy xác định quan hệ hôn nhân của chị G anh Q là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên xảy ra cãi vã, làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Chị G anh Q đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay và không còn ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh Q là có thật. Sau khi thụ lý vụ án chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q, chị G cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa. Bị đơn anh Trần Văn Q xác định anh Q vẫn còn tình cảm với chị G, vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau nhưng là mâu thuẫn nhỏ nên anh Q mong muốn chị G về cùng chung sống với anh. Tuy nhiên, nếu chị G kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Bé Lệ G và anh Trần Văn Q đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bé Lệ G và anh Trần Văn Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Bé Lệ G được ly hôn anh Trần Văn Q.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc cho chị B Lệ Giang được ly hôn với anh Trần Văn Q phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Bé Lệ G và anh Trần Văn Q không có con chung nên Hội đồng không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Bé Lệ G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Lệ G được ly hôn anh Trần Văn Q.

2. Về án phí: Chị Bé Lệ G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002780 ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Bé Lệ G đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Bé Lệ G, bị đơn là anh Trần Văn Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Chũ;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS thị xã Chũ;
- UBND phường Chũ, thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang (33/2021);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Tuấn